TỈNH UỶ TÂY NINH
*
Số 425-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2019

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 9915
Ngày: 21.6.19
Chuyển: ...

P. KT (Thư), PTH, NC

BÁO CÁO
tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế của địa phương giai đoạn 2013 - 2018

Thực hiện Công văn số 224-CV/HVCTQG, ngày 27/02/2019 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc đề nghị gửi báo cáo tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế của địa phương giai đoạn 2013 – 2018, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện(1); đồng thời, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương(2).

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 – 2021, tập trung 4 nội dung chính là phát triển nông nghiệp, du lịch, hạ tầng giao thông, thể chế, 4.0 và nguồn nhân lực; chỉ đạo Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa bằng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho từng đơn vị thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế đã đề ra, cụ thể:

Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, giai đoạn 2013 – 2018, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân hằng năm 6,6%; trong đó giai đoạn 2016 – 2018 tăng bình quân 7,97%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ trong GRDP (giá hiện hành) năm 2013 đạt 32,2% - 31,7% - 36,1%, đến năm 2018 đạt 21,9% - 39,8% - 38,3%. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) từ 2.139 USD năm 2013 tăng lên 2.798 USD vào năm 2018.

Hoạt động công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá qua từng năm với mức tăng bình quân 12,2%/năm, riêng giai đoạn 2016 – 2018 tăng bình quân 16,4%/năm. Năm 2018, giá trị sản xuất công nghiệp đã tăng gấp 2 lần so với giá trị

năm 2013. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn là ngành công nghiệp chủ yếu, chiếm tỷ trọng trên 97% so với toàn ngành.

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản tăng bình quân hàng năm 2,57%, riêng giai đoạn 2016 – 2018 tăng bình quân 2,26%/năm. Chuyển đổi gần 6.000 ha diện tích đất nông sản hiệu quả thấp (lúa, cao su, mía…) sang trồng cây ăn trái quy mô tập trung, có giá trị kinh tế cao gấp 3-4 lần cây truyền thống (nhãn, bưởi, sầu riêng…). Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 14,6%. Đến cuối năm 2018, có 36/80 xã đạt chuẩn nông thôn.

Ngành thương mại, dịch vụ tiếp tục giữa vững các và phát triển các loại hình thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, phục vụ sinh hoạt của dân cư; đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; coi trọng và phát triển mạnh thị trường trong nước kết hợp với tăng cường xúc tiến thương mại, mở các thị trường mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ. Giai đoạn 2013 – 2018, giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 6,3%, riêng giai đoạn 2016 – 2018 tăng bình quân 6,2%/năm.

Giai đoạn 2013 – 2018, kim ngạch xuất khẩu đạt 17.979 triệu USD, tăng bình quân 17,97%/năm, trong đó giai đoạn 2016 – 2018 đạt 12.810 triệu USD, tăng bình quân 15,24%/năm. Các doanh nghiệp ngày càng chú trọng xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu, sản phẩm thô. Giai đoạn 2013 – 2018, kim ngạch nhập khẩu đạt 12.503 triệu USD, tăng bình quân 22,62%/năm, trong đó giai đoạn 2016 – 2018 đạt 9.071 triệu USD, tăng bình quân 15,42%/năm. Ưu tiên nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng. Kiểm soát chặt chẽ những mặt hàng nhập khẩu không khuyến khích. Trung bình mỗi năm đều duy trì mức xuất siêu khoảng 1 tỷ USD và đứng trong nhóm 15 tỉnh/thành của cả nước có kim ngạch xuất khẩu cao.

Giai đoạn 2013 – 2018, có 3.151 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 21.844 tỷ đồng. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước đạt 41.876 tỷ đồng và 4.568,3 triệu USD *(trong đó: cấp mới 141 dự án FDI với vốn 2.826,8 triệu USD và 269 dự án trong nước với 35.769 tỷ đồng).* Riêng giai đoạn 2016 – 2018, có 1.732 doanh nghiệp đăng ký với số vốn 15.984 tỷ đồng, thu hút đầu tư trong và ngoài nước đạt 35.516 tỷ đồng và 2.564 triệu USD *(trong đó: cấp mới 81 dự án FDI với vốn 1.474 triệu USD và 165 dự án trong nước với 31.083 tỷ đồng).*

Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018 là 39.175,4 tỷ đồng đạt 109% so dự toán *(giai đoạn 2013-2015 là 17.386,5 tỷ đồng, đạt 109,1% so dự toán; giai đoạn 2016-2018 là 21.788,9 tỷ đồng, đạt 108,9% so dự toán)*[(3)].

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2013-2018 là 42.431,3 tỷ đồng, đạt 107,6% so dự toán *(trong đó: giai đoạn 2013-2015 là 19.485,9 tỷ đồng, đạt 112,1% so dự toán; giai đoạn 2016-2018 là 22.945,5 tỷ đồng, đạt 104% so dự*

toán). Tốc độ tăng chi bình quân hàng năm giai đoạn 2013-2018 là 7,5%, trong đó: giai đoạn 2013-2015 là 8,4%, giai đoạn 2016-2018 là 6,6%.

Thực hiện kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư của nhà nước một cách công khai minh bạch theo cơ chế thị trường. Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã hoàn thành kế hoạch công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh còn lại 02 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không thuộc danh mục cổ phần hóa, gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Tây Ninh và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác Thủy lợi Tây Ninh.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo tăng cường việc quản lý giám sát tài chính và nâng cao hiệu quả quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thông qua việc giám sát định kỳ hàng năm đối với Doanh nghiệp nhà nước và các Doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh đều sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, tình hình tài chính lành mạnh, vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, đóng góp số thu cho ngân sách nhà nước. Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu phản ánh khả năng sinh lời của doanh nghiệp tương đối khá. Không có doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả dẫn đến âm vốn đầu tư của nhà nước.

Tạo được môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân và hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực, giảm đến 30% thời gian đối với các thủ tục hành chính về đăng ký hộ kinh doanh, thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; thực hiện kê khai thuế qua mạng; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tỉnh đã cơ bản hoàn chỉnh việc xây dựng và phê duyệt phương án sử dụng đất của 05/07 công ty nông nghiệp và phương án sử dụng quỹ đất các công ty nông nghiệp bàn giao về địa phương quản lý, tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, cánh đồng lớn đạt hiệu quả, nhằm nâng cao giá trị sử dụng đất.

II. HẠN CHẾ

Sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, chế biến sâu đối với nông sản chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất. Kinh tế tập thể quy mô nhỏ, hiệu quả thấp, chưa thể hiện vai trò đầu tàu trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Vốn đầu tư cho nông nghiệp còn chưa đáp ứng với nhu cầu và nhiệm vụ phát triển.

Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, giá cả các mặt hàng chủ lực *(cao su, bột mì, mía đường)* vẫn ở mức thấp.

Giá trị sản xuất công nghiệp thiếu ổn định, hạ tầng kỹ thuật còn nhiều yếu kém, thiếu kết nối liên thông. Phương thức sản xuất của các ngành công nghiệp chủ yếu vẫn là gia công lắp ráp, giá nguyên vật liệu không ổn định, sức mua giảm ảnh hưởng mức sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác thu hút đầu tư và việc triển khai các dự án tại các cụm công nghiệp và khu kinh tế còn chậm. Một số dự án du lịch mời gọi đầu tư của tỉnh chưa thu hút được nhà đầu tư; hạ tầng phục vụ du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, kéo dài thời gian thực hiện dự án hoặc chậm đưa đất vào sử dụng vẫn còn xảy ra; chậm thu hút dự án đầu tư mới đối với dự án đầu tư đã bị thu hồi; việc thu hồi đất chậm cũng ảnh hưởng đến dự án đầu tư.

Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội có những nội dung phát sinh, làm cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp chưa chính xác dẫn đến tình trạng chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cao hơn so với thực tế thực hiện (trong các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao) hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa dự báo được nhu cầu sử dụng của các ngành, lĩnh vực, địa phương (như lĩnh vực điện, du lịch).

** Hạn chế trên là do:*

Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế trên thế giới kéo dài, cùng sự tác động từ suy giảm kinh tế trong nước đã có những tác động làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Thời tiết, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp; giá cả vật tư đầu vào sản xuất liên tục tăng cao, giá cả mặt hàng nông sản sụt giảm, thị trường tiêu thụ chưa mở rộng.

Một số chương trình, đề án, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp mới triển khai, bước đầu chưa đánh giá được hiệu quả mang lại.

Nguồn ngân sách địa phương còn nhiều hạn chế nên việc đầu tư hạ tầng bên ngoài khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế còn chưa theo kịp với nhu cầu phát triển, dẫn đến khả năng thu hút các nhà đầu tư không cao.

Một số chính sách Chính phủ đã ban hành nhưng chưa có thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để địa phương triển khai thực hiện dẫn đến chính sách khó đi vào thực tế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách còn chưa sâu rộng, khó áp dụng nên người dân và doanh nghiệp không nắm bắt kịp thời. Một số hoạt động tuyên truyền mang tính hình thức, không phản ánh rõ trọng tâm của chính sách được tuyên truyền.

Công tác xây dựng kế hoạch, dự báo còn nhiều hạn chế, chưa sát với tình hình thực tế.

Việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các khâu trọng tâm, đột phá phát triển kinh tế - xã hội ở một số cấp, ngành, cơ quan, đơn vị còn chậm, thiếu quyết liệt. Công tác quản lý nhà nước trên một số ngành, lĩnh vực có lúc chưa đồng bộ và thiếu chặt chẽ, còn để xảy ra thiếu sót, sai phạm.

Nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế còn ít.

Một số cấp uỷ đảng có lúc có nơi chưa sâu sát và tích cực trong triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng; một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Các cấp uỷ, tổ chức đảng tiếp tục đẩy mạnh việc quán triệt và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương[4] và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh uỷ về phát triển kinh tế; tuyên truyền về quan điểm chỉ đạo và chủ trương, chính sách lớn của Đảng về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, phổ biến các cam kết, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của Việt Nam khi tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới nhằm tạo sự kiên định và đồng thuận cao trong xã hội.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách của tỉnh đã ban hành phù hợp với tình hình thực tế. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

Hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành.

Tập trung thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp theo hướng tập trung, liên kết để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao.

Chỉ đạo thực hiện tốt Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, huy động nguồn lực xây dựng các công trình hạ tầng và đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Chủ động nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, hoàn thành chỉ tiêu trong từng năm và phấn đấu đạt Nghị quyết tỉnh đảng bộ giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, cải cách hành chính và hiện đại hóa về hồ sơ, thủ tục kê khai thuế, nộp thuế. Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư; đẩy mạnh phát triển sản xuất - kinh doanh, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo tiền đề phát triển nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách địa phương.

Đảm bảo cân đối đủ nguồn thực hiện các chế độ chính sách và kế hoạch đầu tư công trung hạn trong từng giai đoạn. Tiếp tục thực hiện cơ cấu chi ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, trong đó, chú trọng chi cho giáo dục-đào tạo, y tế, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển nông thôn mới,... tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; công tác đo đạc, đăng ký, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ; công tác giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phát triển quỹ đất; rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền; kiểm tra, đánh giá kết quả thi hành Luật; quản lý tốt đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường; quản lý quỹ đất công; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế của địa phương giai đoạn 2013 – 2018, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY TÂY NINH

Nguyễn Minh Tân

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng TW (VP, UBKTTW),
- Vụ Địa phương VII-UBKTTW,
- Vụ Địa phương II-VPTW,
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
- Thành uỷ, các huyện uỷ và ĐU TT.TU,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Đ/c Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Đ/c Phó Chánh VPTU phụ trách tổng hợp,
- Phòng TH – VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

ĐCV - 30

Phụ lục

Các nội dung chú thích trong Báo cáo

(Kèm theo Báo cáo số 425-BC/TU, ngày 07/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

STT	Nội dung
1	Chương trình hành động số 31-CTr/TU, ngày 25/8/2013 của Ban Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của BCH Trung ương đảng về Hội nhập quốc tế gắn với thực hiện Kết luận số 58-KL/TW, ngày 02/4/2013 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Chương trình hành động số 14-CTr/TU, ngày 20/01/2017 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương (khóa XII) về một số chủ trưởng, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 20/01/2017 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Chương trình hành động số 24-CTr/TU, ngày 28/02/2016 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Chương trình hành động số 59-CTr/TU, ngày 31/8/2017 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương trình hành động số 60-CTr/TU, ngày 31/8/2017 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương trình hành động số 61-CTr/TU, ngày 03/6/2017 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Chương trình hành động số 68-CTr/TU, ngày 05/10/2017 của Tỉnh

	uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 12/7/2018 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 30/01/2013 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/12/2012 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương đảng (khóa XI) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại.
2	UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2305/QĐ-UBND, ngày 18/11/2013 về việc thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU, ngày 25/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW. UBND tỉnh ban hành Văn bản số 737/UBND-TH ngày 37/3/2017 giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 và Kế hoạch số 1798/KH-UBND ngày 06/7/2017 về việc thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 20/01/2017 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU, ngày 28/02/2016 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2807/QĐ-UBND, ngày 22/11/2017 về việc thực hiện Chương trình hành động số 60-CTr/TU, ngày 31/8/2017 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2996/KH-UBND, ngày 07/11/2017 về việc thực hiện Chương trình hành động số 61-CTr/TU, ngày 03/6/2017 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc thực hiện Chương trình hành động số 68-CTr/TU, ngày 05/10/2017 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2360/KH-UBND ngày 27/9/2018 về việc thực hiện Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 12/7/2018 của Tỉnh uỷ. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1210/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 về việc thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ

	cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013–2020. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 28/01/2015 về việc thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty nông nghiệp, các Ban quản lý rừng trên địa bàn tỉnh.
3	Trong đó: Thu nội địa (*bao gồm thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu phạt vi phạm hành chính lĩnh vực an toàn giao thông*) là 39.175,4 tỷ đồng, đạt 105,4% so dự toán HĐND tỉnh giao *(trong đó: giai đoạn 2013-2015 là 14.346,9 tỷ đồng, đạt 102% so dự toán; giai đoạn 2016-2018 là 19.194,7 tỷ đồng, đạt 108,1% so dự toán)*; Thu xuất nhập khẩu: 4.887,5 tỷ đồng, đạt 128,4% so dự toán HĐND tỉnh giao *(trong đó: giai đoạn 2013-2015 là 2.354,5 tỷ đồng, đạt 149,3% so dự toán; giai đoạn 2016-2018 là 2.353 tỷ đồng, đạt 113,6% so dự toán);* Thu quản lý qua ngân sách: 746,3 tỷ đồng, đạt 231% so dự toán HĐND tỉnh giao *(trong đó: giai đoạn 2013-2015 là 685,1 tỷ đồng, đạt 229,9% so dự toán; giai đoạn 2016-2018 là 61,2 tỷ đồng, đạt 244,7% so dự toán)*. (*Kể từ năm 2017 thực hiện theo Luật NSNN năm 2015 thì khoản thèo này không còn phát sinh ghi thu ngân sách*).
4	Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của BCH Trung ương đảng về Hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của

	Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/12/2012 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương đảng (khóa XI) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại

---